

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301,823,765,609	301,221,701,258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		87,157,213,950	49,657,164,227
1. Tiền	111	V.01	45,707,981,570	38,204,164,227
2. Các khoản tương đương tiền	112		41,449,232,380	11,453,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	3,615,030,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112,891,815,624	116,217,978,712
1. Phải thu của khách hàng	131		103,640,524,296	108,993,268,513
2. Trả trước cho người bán	132		7,674,715,055	8,964,930,729
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	4,235,585,048	919,862,945
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2,659,008,775)	(2,660,083,475)
IV. Hàng tồn kho	140		99,191,864,507	131,054,367,612
1. Hàng tồn kho	141	V.04	99,354,589,280	132,324,228,281
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(162,724,773)	(1,269,860,669)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,582,871,528	677,160,707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		319,897,028	422,710,407
2. Thuê GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,262,974,500	254,450,300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87,222,362,688	91,932,648,238
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		62,782,102,280	67,422,650,341
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	52,243,943,282	57,308,210,750
- Nguyên giá	222		90,346,022,460	89,771,696,181
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38,102,079,178)	(32,463,485,431)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	7,804,120,334	4,989,737,000
- Nguyên giá	228		11,116,787,000	7,066,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,312,666,666)	(2,077,050,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,734,038,664	5,124,702,591
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4,666,744,234	2,978,208,077
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,640,082,634	1,338,212,177
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3,944,000,000	3,944,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1,917,338,400)	(2,304,004,100)
V. Tài sản dài hạn khác	260		519,627,896	286,119,996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	519,627,896	286,119,996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI. Lợi thế thương mại			19,253,888,278	21,245,669,824
CỘNG	270		389,046,128,297	393,154,349,496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		80,824,894,347	121,438,691,203
I. Nợ ngắn hạn	310		78,427,644,097	121,295,397,203
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	93,487,000	186,968,000
2. Phải trả người bán	312		28,576,799,695	65,232,881,381
3. Người mua trả tiền trước	313		811,789,413	11,163,801,780
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V..16	1,564,049,369	3,253,162,127
5. Phải trả người lao động	315		27,862,978,944	25,549,134,143
6. Chi phí phải trả	316	V.17	463,720,300	1,225,234,004
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3,749,329,091	4,737,232,980
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15,305,490,285	9,946,982,788
II. Nợ dài hạn	330		2,397,250,250	143,294,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2,317,281,250	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		29,500,000	31,500,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		50,469,000	111,794,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		304,310,043,476	267,666,038,575
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	304,310,043,476	267,666,038,575
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,298,380,000	100,298,380,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,797,592,850	54,797,592,850
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		77,136,109,555	56,695,016,847
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,013,067,593	9,096,851,620
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58,802,765,478	46,516,069,259
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		262,128,000	262,128,000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số			3,911,190,474	4,049,619,717
CỘNG	440		389,046,128,297	393,154,349,496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		0	
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công		13,937,866,527	13,922,866,527
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		208,213,500	208,213,500
5. Ngoại tệ các loại		0	0
5A.USD		3,685.61	3,685.61
5B.CNY		104,551.64	642,551.64
5C.KIP			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	110,572,281,835	101,678,967,643	444,113,612,139	428,077,993,371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		7,836,243,900	10,887,711,143	33,514,841,810	38,311,043,813
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102,736,037,935	90,791,256,500	410,598,770,329	389,766,949,558
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	53,751,458,159	54,822,408,402	242,040,003,333	246,710,947,924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48,984,579,776	35,968,848,098	168,558,766,996	143,056,001,634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	934,983,577	272,101,931	3,669,432,551	2,356,142,892
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,290,121	3,870,196	(186,301,323)	(49,988,209)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,290,121	3,870,196	5,945,638	149,944,528
8. Chi phí bán hàng	24		14,405,914,975	10,099,611,764	56,984,430,733	50,385,957,682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11,080,251,112	9,722,004,726	37,194,579,210	32,591,154,126
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,432,107,145	16,415,463,343	78,235,490,927	62,485,020,927
11. Thu nhập khác	31		416,396,940	257,124,937	894,425,357	1,135,097,511
12. Chi phí khác	32		743,052	-	204,365,466	19,000,000
13. Lợi nhuận khác	40		415,653,888	257,124,937	690,059,891	1,116,097,511
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	45		0	-	(138,779,543)	(15,337,642)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24,847,761,033	16,672,588,280	78,786,771,275	63,585,780,796
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	1,290,024,415	27,163,624	2,264,698,602	761,547,028
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23,557,736,618	16,645,424,656	76,522,072,673	62,824,233,768
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		12,200,348	(64,763,552)	353,128,853	167,452,801
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		23,545,536,270	16,710,188,208	76,168,943,820	62,656,780,967
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,348	1,666	7,594	6,247

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2013

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		395,386,374,844	283,017,417,343
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(261,734,606,432)	(189,004,033,519)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(33,819,057,361)	(16,475,438,939)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(5,945,638)	(146,074,332)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(3,283,629,618)	(452,622,740)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		14,293,198,909	27,502,225,785
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(45,219,962,804)	(54,630,156,869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65,616,371,900	49,811,316,729
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4,016,186,150)	(9,962,762,380)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,615,030,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(1,006,325,000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,757,481,984	1,184,397,642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,350,000,834	(8,778,364,738)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	13,305,434,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93,481,000)	(13,398,915,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30,474,318,500)	(16,477,198,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30,567,799,500)	(16,570,679,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		37,398,573,234	24,462,272,991
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49,657,164,227	19,007,092,447
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		101,476,489	(40,242,629)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		87,157,213,950	43,429,122,809

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010 và thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011.

Ngày 21/01/2013, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Công ty liên kết như sau:

1. Đơn vị trực thuộc :

- Các Chi nhánh:
 - + Chi nhánh Miền Trung
 - + Chi nhánh Thái Bình
 - + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
 - + Chi nhánh Thanh Hóa
- Các Xí nghiệp:
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
 - + Xí nghiệp Ba Vì
- Đơn vị trực thuộc khác:
 - + Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
 - + Trại thực nghiệm Khoái Châu
 - + Nhà máy chế biến Thường Tín

2. Công ty con: Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây

3. Công ty liên kết : Công ty cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 342 người.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của Công ty con – Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31/09/2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Căn cứ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính. Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ của các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với đồng USD, các đồng tiền khác thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTT ngày 7 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài Chính

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/05/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6-10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi quyết toán các chi phí đó, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	100,298,380,000	100,298,380,000	100%

4.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty mẹ là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/09/2010 của Chính phủ và Căn cứ Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi 3 đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2013 là năm thứ 3 Công ty đáp ứng được điều kiện trên.

Công ty con và các khoản thu nhập khác của công ty mẹ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	3,427,310,045	6,098,539,428
Tiền gửi ngân hàng	42,280,671,525	32,105,624,799
Các khoản tương đương tiền	41,449,232,380	11,453,000,000
Cộng	87,157,213,950	49,657,164,227

5.1. Các khoản phải thu khác

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Phải thu khác	4,235,585,048	919,862,945
Cộng	4,235,585,048	919,862,945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.2. Hàng tồn kho

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	15,947,968,997	11,965,560,331
Công cụ, dụng cụ	12,807,693	3,627,360
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	203,023,655	671,724,552
Thành phẩm	81,368,573,188	97,467,703,842
Hàng hoá	<u>1,822,215,747</u>	<u>22,215,612,196</u>
Cộng	<u>99,354,589,280</u>	<u>132,324,228,281</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(162,724,773)</u>	<u>(1,269,860,669)</u>
Giá trị thuần của hàng tồn kho	<u>99,191,864,507</u>	<u>131,054,367,612</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.3. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	47,625,798,163	29,609,910,195	11,417,426,723	948,246,100	170,315,000	89,771,696,181
2. Tăng trong năm	462,263,000	288,186,800	688,057,000	175,334,000	0	1,613,840,800
-Mua trong năm	-	288,186,800	688,057,000	175,334,000	-	1,151,577,800
-Đầu tư XDCB hoàn thành	462,263,000	-	-	-	-	462,263,000
-Tăng khác	-	-	-	-	-	0
3. Giảm trong năm	265,322,621	305,859,800	-	458,017,100	10,315,000	1,039,514,521
-Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
-Giảm khác	265,322,621	305,859,800	0	458,017,100	10,315,000	1,039,514,521
4. Số cuối năm	47,822,738,542	29,592,237,195	12,105,483,723	665,563,000	160,000,000	90,346,022,460
II. Giá trị hao mòn						0
1. Số đầu năm	17,021,295,636	10,710,890,951	3,960,796,469	616,328,408	154,173,967	32,463,485,431
2. Tăng trong năm	2,175,738,960	3,161,751,030	929,090,536	101,311,246	7,640,750	6,375,532,522
-Khấu hao trong năm	2,175,738,960	3,161,751,030	929,090,536	101,311,246	7,640,750	6,375,532,522
-Tăng khác						0
3. Giảm trong năm	210,739,596	257,387,364	0	259,872,129	8,939,686	736,938,775
-Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
-Giảm khác	210,739,596	257,387,364	0	259,872,129	8,939,686	736,938,775
4. Số cuối kỳ	18,986,295,000	13,615,254,617	4,889,887,005	457,767,525	152,875,031	38,102,079,178
III. Giá trị còn lại						0
1. Tại ngày đầu năm	30,604,502,527	18,899,019,244	7,456,630,254	331,917,692	16,141,033	57,308,210,750
2. Tại ngày cuối năm	28,836,443,542	15,976,982,578	7,215,596,718	207,795,475	7,124,969	52,243,943,282

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.4. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
A. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2,395,787,000	4,600,000,000	71,000,000	0	7,066,787,000
2. Tăng trong năm		4,717,733,000			4,717,733,000
- Mua trong năm		4,717,733,000			4,717,733,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					0
- Tăng khác					0
3. Giảm trong năm	0	667,733,000	0	0	667,733,000
- Thanh lý, nhượng bán				0	0
- Giảm khác		667,733,000		0	667,733,000
4. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	8,650,000,000	71,000,000	-	11,116,787,000
B. Giá trị hao mòn					
				0	0
1. Số đầu năm	60,000,000	1,946,050,000	71,000,000	0	2,077,050,000
2. Tăng trong năm	40,000,000	1,225,045,666	0	-	1,265,045,666
- Khấu hao trong năm	40,000,000	1,225,045,666	0		1,265,045,666
- Tăng khác				0	0
3. Giảm trong năm	0	294,290,000	0	0	29,429,000
- Thanh lý, nhượng bán					0
- Giảm khác		29,429,000			29,429,000
4. Số dư cuối kỳ	100,000,000	3,141,666,666	71,000,000	-	3,312,666,666
C. Giá trị còn lại					
				0	0
1. Tại ngày đầu năm	2,335,787,000	2,653,950,000	0	0	4,989,737,000
2. Tại ngày cuối kỳ	2,295,787,000	5,508,333,334	0	0	7,804,120,334

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/09/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Trong đó, các công trình lớn:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	2,113,446,664	2,113,446,664
<i>Dự án xây dựng ở Đồng Văn</i>		2,390,663,927
<i>Chi phí XD CB dở dang khác</i>	<u>620,592,000</u>	<u>620,592,000</u>
Tổng số chi phí XD CB dở dang:	<u>2,734,038,664</u>	<u>5,124,702,591</u>

5.6. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>30/09/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam, trong đó :	208,650	2,640,082,634	96,520	1,338,212,177
<i>Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết</i>		3,258,288,000		1,817,638,000
<i>Điều chỉnh số đầu kỳ tại ngày 01/01/2013</i>		(479,425,823)		(479,425,823)
<i>Lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết</i>		<u>(138,779,543)</u>		
Cộng		<u>2,640,082,634</u>		<u>1,338,212,177</u>

5.10. Đầu tư dài hạn khác

	<u>30/09/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	133,333	3.944.000.000	133,333	3.944.000.000
<i>Dự phòng giảm giá khoản đầu tư</i>		<u>(1.917.338.400)</u>		<u>(2.304.004.100)</u>
Giá trị thuần của khoản đầu tư	<u>133,333</u>	<u>2.026.661.600</u>	<u>133,333</u>	<u>1.639.995.900</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.7. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại (VND)
Tăng do mua công ty con tại ngày 01/01/2011	26,557,087,281
Phân bổ lũy kế đến ngày 31/12/2012	5,311,417,457
Phân bổ chi phí từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	1,991,781,546
Giá trị còn lại tại ngày 30/09/2013	19,253,888,278

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Chi phí trả trước dài hạn	519,627,896	286,119,996
Cộng	519,627,896	286,119,996

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	52,332,410	87,453,407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	345,726,934	1,364,277,683
Thuế thu nhập cá nhân	284,064,883	681,520,406
Tiền thuê đất, thuế đất	865,639,912	1,103,625,401
Thuế khác	16,285,230	16,285,230
Cộng	1,564,049,369	3,253,162,127

5.10. Chi phí phải trả

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Chi phí phải trả	463,720,300	1,225,234,004
Cộng	463,720,300	1,225,234,004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Phải trả tiền cổ tức 2012	435,750	
Cổ phiếu thưởng ESOP	-	8,000,000
Phải trả tiền giống gốc	1,270,720,275	1,270,720,275
Phải tiền thu mua SP khoán 01	857,588,979	1,668,355,421
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,620,584,087	1,790,157,284
Cộng	3,749,329,091	4,737,232,980

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	93.487.000	186.968.000
Cộng	93.487.000	186.968.000

(i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I bao gồm 01(một) hợp đồng cố hạn mức tín dụng là 3.100.000.000 VND với lãi suất 5,4%/năm và cố thời hạn 8 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

5.13. Doanh thu chưa thực hiện

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Doanh thu chưa thực hiện	50,469,000	111,794,000
Cộng	50,469,000	111,794,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.18. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác	Lợi nhuận	Cộng
Số dư đầu năm trước	82,561,610,000	54,797,592,850	1,466,948,024	28,989,455,885	5,892,458,324	0	40,625,569,562	214,333,634,645
- Lợi nhuận thuần trong năm							77,602,978,679	77,602,978,679
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	16,506,370,000						(16,506,370,000)	0
- Thương bằng cổ phiếu	1,230,400,000						(1,238,400,000)	(8,000,000)
- Tăng khác						262,128,000		262,128,000
- Trích lập quỹ từ LNST				27,705,560,962	3,204,393,296		(30,909,954,258)	0
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(5,720,959,421)	(5,720,959,421)
- Chi cổ tức							(16,761,518,500)	(16,761,518,500)
- Giảm khác			(1,466,948,024)				(575,276,803)	(2,042,224,827)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	100,298,380,000	54,797,592,850	0	56,695,016,847	9,096,851,620	262,128,000	46,516,069,259	267,666,038,576
- Lợi nhuận thuần trong năm nay							76,168,943,820	76,168,943,820
- Cổ tức năm 2012 còn lại							(15,045,027,500)	(15,045,027,500)
- Ứng cổ tức năm 2013							(15,045,134,200)	(15,045,134,200)
- Tăng khác				9,600,000			(9,600,000)	-
- Trích lập quỹ từ LNST				20,431,492,708	3,916,215,973		(24,347,708,681)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(8,983,090,809)	(8,983,090,809)
- Giảm khác							(451,686,411)	(451,686,411)
Số dư cuối năm	100,298,380,000	54,797,592,850	0	77,136,109,555	13,013,067,593	262,128,000	58,802,765,478	304,310,043,476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	11,054,160,000	11,054,160,000
Vốn góp của đối tượng khác	89,244,220,000	89,244,220,000
Cộng	<u>100,298,380,000</u>	<u>100,298,380,000</u>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	77.136.109.555	56,695,016,847
Quỹ dự phòng tài chính	13.013.067.593	9,096,851,620
Cộng	<u>90.149.177.148</u>	<u>65,791,868,467</u>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

5.19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
A	1	2	3			5	6
Số dư tại ngày 31/12/2012	2,628,100,000	9,240,000	502,835,408	177,407,320	(1,155,000)	733,191,989	4,049,619,717
Phát sinh trong năm 2013							
Lợi nhuận thuần trong năm						353,138,344	353,138,344
Trích lập quỹ từ LNST			96,901,693	30,972,067		(127,873,760)	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(30,972,067)	(30,972,067)
Chia cổ tức						(394,067,520)	(394,067,520)
Giảm khác						(66,528,000)	(66,528,000)
Số dư tại ngày 30/06/2013	2,628,100,000	9,240,000	599,737,101	208,379,387	-1,155,000	466,888,986	3,911,190,474

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

6. Công cụ Tài chính

6.1. Công cụ quản lý rủi ro vốn

	<u>30/09/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Tài sản tài chính		
Tiền	87,157,213,950	49,657,164,227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105,217,100,569	107,253,047,983
Đầu tư ngắn hạn	-	
Đầu tư dài hạn khác	2,026,661,600	1,639,995,900
Tổng cộng	<u>194,400,976,119</u>	<u>158,550,208,110</u>
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Tiền	87,157,213,950	49,657,164,227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105,217,100,569	107,253,047,983
Đầu tư ngắn hạn	-	
Đầu tư dài hạn khác		
Tổng cộng	<u>192,374,314,519</u>	<u>156,910,212,210</u>
Từ 1 đến 5 năm		
Tiền		
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn khác	2,026,661,600	1,639,995,900
Tổng cộng	<u>2,026,661,600</u>	<u>1,639,995,900</u>

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo cho hoạt động của công ty được liên tục đồng thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

6.2. Công cụ quản lý rủi ro tín dụng

Tài sản tài chính	30/09/2013 (VND)	01/01/2013 (VND)
Các khoản vay	93,487,000	186,968,000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31,791,516,149	69,730,240,107
Chi phí phải trả	463,720,300	1,225,234,004
Tổng cộng	32,348,723,449	71,142,442,111
Trong đó		
Dưới 1 năm		
Các khoản vay	93,487,000	186,968,000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31,791,516,149	69,730,240,107
Chi phí phải trả	463,720,300	1,225,234,004
Tổng cộng	32,348,723,449	- 71,142,442,111
Từ 1 đến 5 năm		
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác		
Chi phí phải trả		
Tổng cộng	-	-

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình để có phương pháp, chính sách quản trị tín dụng phù hợp nhất nhằm hạn chế rủi ro tối đa đồng thời đảm bảo đủ vốn để đáp ứng hoạt động của công ty cũng như đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	444,113,612,139	428,077,993,371
Doanh thu bán hàng	442,929,761,216	426,829,274,547
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,183,850,923	1,248,718,824

7.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	33,514,841,810	38,311,043,813
Giảm giá hàng bán	314,244,700	558,168,230
Hàng bán bị trả lại	33,200,597,110	37,752,875,583

7.3. Doanh thu thuần

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	410,598,770,329	389,766,949,558
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	409,414,919,406	388,518,230,734
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1,183,850,923	1,248,718,824

7.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Giá vốn hàng hoá đã bán	242,040,003,333	246,710,947,924
Cộng	242,040,003,333	246,710,947,924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

7.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	242,934,258,380	253,569,111,618
Chi phí nhân công	39,918,972,939	33,758,326,321
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,639,635,321	7,378,558,587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,478,609,852	19,812,349,580
Chi phí khác	6,068,549,969	5,308,717,639
Cộng	<u>319,040,026,461</u>	<u>319,827,063,745</u>

7.6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,567,956,062	801,534,971
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	411,446,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	101,476,489	994,332,347
Doanh thu hoạt động tài chính khác		148,829,574
Cộng	<u>3,669,432,551</u>	<u>2,356,142,892</u>

7.7. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)
Lãi tiền vay	5,945,638	149,944,528
Lỗ chênh lệch tỷ giá	194,418,739	66,763
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(386,665,700)	(199,999,500)
Chi phí hoạt động tài chính khác		
Cộng	<u>(186,301,323)</u>	<u>(49,988,209)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

7.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,264,698,602	761,547,028
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Cộng	<u>2,264,698,602</u>	<u>761,547,028</u>

7.9. Lợi nhuận sau thuế

	<u>Từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	23,545,536,270	16,710,188,208
Cộng	<u>23,545,536,270</u>	<u>16,710,188,208</u>

Tổng lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ quý 3/2013 là 23.545.536.270 đồng, tăng 40.91% so với quý 3/2012, là do cơ cấu sản lượng bán hàng độc quyền kinh doanh quý 3 năm 2013 tăng so với quý 3 năm 2012.

8. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ SỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012 (VND)</u>
Công ty CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam		
Doanh thu	141,000,000	
Mua nguyên vật liệu		210,000,000
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ:		
Công ty CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam		
	<u>30/09/2013 (VND)</u>	<u>01/01/2013 (VND)</u>
Phải thu tiền hàng		
Cho vay vốn lưu động và lãi phải thu		3,618,030,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2013

9. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên